

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ P
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 52/2020/HNGĐ-ST

Ngày 11 tháng 9 năm 2020

Về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ P, TỈNH GIA LAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Thị Thao

Bà Nguyễn Thị Phi Khanh

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Yến - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thắng Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc *ly hôn, tranh chấp nuôi con chung* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 38/2020/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị Bích P, sinh năm 1993; Có mặt

Địa chỉ: 40/3/64 Ấ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

Bị đơn: Anh Đồng Văn T, sinh năm 1982; Vắng mặt

Địa chỉ: 40/3/64 Ấ, phường T, thành phố P, tỉnh Gia Lai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn là chị Hà Thị Bích P trình bày:

Tôi và anh Đồng Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Trong thời gian chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân là do quan niệm sống và cách nhìn nhận cuộc sống không phù hợp, cũng như trong thời gian chung sống thì anh Đồng Văn T có mối quan hệ ngoài hôn nhân và có hành động vũ phu đánh đập tôi trong thời gian chung sống. Mặc dù hai bên đã rất cố gắng, hai gia đình cũng đã can thiệp hòa giải nhưng chúng tôi vẫn

không thể kiềm chế được nỗi bức xúc mỗi khi cùng chung sống trong một mái nhà. Nay tôi thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi xin được ly hôn với anh Đồng Văn T.

Về con chung: Tôi và anh T có một con chung là cháu Đồng Bảo N, sinh ngày 20/6/2016, ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tiền án phí: Tôi tự nguyện chịu toàn bộ.

Ngoài ra tôi không có yêu cầu gì khác

Bị đơn là anh Đồng Văn T quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án nên không có lời khai tại hồ sơ.

NHÂN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét, đánh giá khách quan, đầy đủ, toàn diện, trong mối liên hệ giữa các tài liệu, chứng cứ Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị Hà Thị Bích P và anh Đồng Văn T tự do đăng ký kết hôn vào năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau. Quan hệ giữa chị P và anh T được đăng ký theo đúng trình tự, thủ tục và đúng cơ quan nhà nước có thẩm quyền, không vi phạm những trường hợp cấm kết hôn nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Nay chị Hà Thị Bích P có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Đồng Văn T và giải quyết việc nuôi con chung. Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn có địa chỉ cư trú trên địa bàn thành phố P, tỉnh Gia Lai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố P theo loại việc, theo lãnh thổ và theo cấp xét xử.

[2] Đối với bị đơn anh Đồng Văn T, trong quá trình chuẩn bị xét xử đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn đã không chấp hành, không đến Tòa án để thực hiện quyền và nghĩa vụ của đương sự. Đến phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn tiếp tục vắng mặt không có lý do. Điều này thể hiện ý thức chấp hành pháp luật của bị đơn không nghiêm túc, không tôn trọng pháp luật, thái độ chấp hành pháp luật kém, đã từ chối quyền được chứng minh phản đối yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 91 và phải chịu hậu quả theo Khoản 25 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử, giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu ly hôn của chị Hà Thị Bích P đối với anh Đồng Văn T. Hội đồng xét xử xét thấy sau khi đăng ký kết hôn và về chung sống với nhau cuộc sống hai vợ chồng không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không có tình thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, giúp đỡ nhau nên không còn tình nghĩa vợ chồng, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng. Chị P xin ly hôn, anh T không phản đối, quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành triệu tập để bị đơn trình bày ý kiến, tham gia hòa giải nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do nên không thể tiến hành hòa giải được. Điều này thể hiện trong ý thức của anh T không còn quan tâm đến cuộc hôn nhân của hai vợ chồng, không có tư tưởng muốn được chung sống với nhau để đoàn tụ vợ chồng, không có tình nghĩa vợ chồng. Vì vậy cho chị P được ly hôn với anh T là có cơ sở theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị Hà Thị Bích P và anh Đồng Văn T có một con chung là cháu Đồng Bảo N, sinh ngày 20/6/2016.

Chị P có nguyện vọng được nuôi cháu N và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, nguyện vọng của chị P là chính đáng, hợp pháp, phù hợp với thực tế chị P vẫn đang nuôi dưỡng, chăm sóc con, căn cứ quyền lợi mọi mặt và đảm bảo con được chăm sóc, giáo dục, phát triển tốt nhất cả về thể chất và trí tuệ, HĐXX xét thấy cần thiết tiếp tục giao cháu Đồng Bảo N cho chị Hà Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Hà Thị Bích P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét và không đề cập đến trong phần quyết định.

[6] Về tiền án phí: Chị Hà Thị Bích P tự nguyện chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

[7] Tại phiên tòa hôm nay đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Tòa án và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo các thủ tục, trình tự tố tụng mà pháp luật quy định về việc thụ lý vụ án, chuẩn bị xét xử, thu thập chứng cứ, có đủ cơ sở để giải quyết vụ án. Đối với các

đương sự nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cho chị Hà Thị Bích P được ly hôn với anh Đồng Văn T. Giao cháu Đồng Bảo N cho chị Hà Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc chị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 5; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; các Điều 70, 91, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 24, 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng Án phí và Lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 58; Các Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hà Thị Bích P.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Hà Thị Bích P được ly hôn với anh Đồng Văn T.

2. Về con chung:

Chị Hà Thị Bích P và anh Đồng Văn T có một con chung là cháu Đồng Bảo N, sinh ngày 20/6/2016.

Giao cháu Đồng Bảo N cho chị Hà Thị Bích P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Chị P không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định việc cấp dưỡng.

3. Về tiền án phí:

Chị Hà Thị Bích P tự nguyện chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn để sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp 300.000đ (Ba

trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004979, ngày 12/5/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố P, tỉnh Gia Lai. Chị P đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay, đương sự có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.Pleiku;
- Các đương sự;
- THA DS TP.Pleiku (Để thi hành);
- UBND phường Đồng Đa, Tp. Pleiku
- Tỉnh Gia Lai (số 39, ngày 13/7/2016);
- Lưu.

Hoàng Văn Tiến